Trusted Billing

ĐƠN HÀNG • KHOẢN THU • CÔNG NỢ • HÓA ĐƠN

Khởi tạo online.
Khớp đúng giao dịch.
Tối ưu BackOffice.

Tự động quản lý dòng tiền vào,
công nợ và hóa đơn điện tử.



KYB | CHỨNG THƯ | VA / HÓA ĐƠN

Hình minh họa

Tận dụng kết nối Mobile-ID để hoàn thiện quy trình doanh thu trên phần mềm doanh nghiệp đang sử dụng.

Một nền tảng nối hồ sơ, khoản thu và chứng từ

Khởi tạo online; tự động hóa giao dịch đủ điều kiện; kiểm soát bằng trạng thái và bằng chứng.

CEO / CFO

Kiểm soát dòng tiền vào; giảm thao tác lặp; mở rộng năng lực xử lý.

CTO / CIO

Giữ ERP/CRM/POS hiện hữu; thống nhất dữ liệu, quy tắc và trách nhiệm.

Kế toán / vận hành

Theo dõi khoản thu, công nợ, hóa đơn; tập trung giao dịch cần xử lý.

ĐỌC THEO NHU CẦU

04 Năng lực và khách hàng

08 Kết nối và khởi tạo

13 Cơ chế và hiệu quả

27 Pháp lý, SLA, 04 tuần

Đề xuất triển khai theo phạm vi chuẩn trong khoảng 04 tuần làm việc, với điều kiện sẵn sàng được thống nhất.

Từ xử lý từng giao dịch sang quản lý ngoại lệ

Giảm các bước dò tìm và nhập lại giữa ngân hàng, hệ thống công nợ và hóa đơn.

TRƯỚC TÍCH HỢP		SAU TÍCH HỢP
Dò sao kê và tìm người trả	→	Nhận dữ liệu từ kết nối ngân hàng
Tìm đơn, so số tiền bằng tay	→	Khớp VA, số tiền và tham chiếu
Gạch nợ từng khoản	→	Đồng bộ, nhận xác nhận từ ERP
Nhập lại thông tin hóa đơn	→	Tái sử dụng dữ liệu đã kiểm tra
Hỏi trạng thái qua nhiều đầu mối	→	Tra cứu khoản thu và chứng từ liên kết
Giải quyết từng việc rời rạc	→	Phân công ngoại lệ, giữ lịch sử xử lý

Kiểm tra tính đầy đủ và đối soát định kỳ vẫn là phần việc kiểm soát của doanh nghiệp.

Đối tác công nghệ cho hành trình số tin cậy

Mobile-ID Technologies And Services Joint Stock Company • MST 0313994173.

MOBILE-ID

Công nghệ định danh, xác thực, ký số và thanh toán số

Nền tảng phát triển sản phẩm và kinh nghiệm tích hợp phục vụ doanh nghiệp, ngân hàng và các dịch vụ số.

01 Định danh và xác thực

Mobile-ID SSO v1.0, Trusted Hub FIDO2 Server và SDK xác thực theo công bố; hồ sơ theo sản phẩm tại phụ lục.

02 Giao kết và ký số

Kinh nghiệm tích hợp CA/TMS-RA và Remote Signing được công bố trên website; tham chiếu triển khai theo quyền công bố.

03 Thanh toán và hóa đơn

Trusted Pay, Trusted PalmPay và Trusted Billing kết nối trải nghiệm với vận hành.

Năng lực phát triển sản phẩm kết hợp kết nối đối tác giúp giảm số đầu mối doanh nghiệp phải tự xây dựng.

Mỗi lớp công nghệ hoàn thiện một phần hành trình

Phân biệt sản phẩm Mobile-ID với nguồn dữ liệu, ngân hàng, CA và tuyến thuế liên thông.

KYC / KYB / SSO	CheckID, GoPaperless SSO; xác minh qua kênh được phép	→ **Chuẩn hóa chủ thể và truy cập**
Giao kết / ký số	GoPaperless, Trusted Hub; phối hợp CA theo dịch vụ	→ **Giảm luân chuyển hồ sơ giấy**
Ngân hàng / thanh toán	Open Banking, VA và Trusted Pay theo kết nối	→ **Liên kết tiền vào với nghiệp vụ**
Hóa đơn / vận hành	Trusted Billing và các tuyến hóa đơn được cấu hình	→ **Theo dõi vòng đời và truy vết**

Bằng chứng sản phẩm và phạm vi chứng nhận được dẫn ở phụ lục; không gán chứng nhận mô-đun cho toàn bộ Billing.

Từ tập đoàn đến nền tảng có nhiều khoản thu

Ba nhóm cần liên kết dữ liệu, kiểm soát nhiều bên và có bằng chứng xử lý rõ.







Tập đoàn / tổng công ty

ERP / CRM • đa pháp nhân
Bắt đầu: khoản thu theo đơn vị
Quyết định: CFO / CIO
Đo: khoản treo, tuổi nợ

Ngân hàng / tài chính / fintech

Core / cổng dịch vụ
Bắt đầu: khoản thu và phí dịch vụ
Quyết định: khối số / CFO / CTO
Đo: thời gian đối chiếu

Sàn / nền tảng dịch vụ

OMS / merchant / ERP
Bắt đầu: đơn con và tham chiếu
Quyết định: CEO / CTO / CFO
Đo: phân bổ, thời gian xử lý

Ảnh minh họa phân khúc; không phải khách hàng hoặc nhân sự được xác nhận.

Phân loại gốc, lãi, phí và chủ thể phát hành; nghĩa vụ hóa đơn được xác định theo từng nghiệp vụ.

SME và đối tác phần mềm cùng hưởng lợi

Khách hàng dùng trực tiếp và đối tác cung cấp lại có phạm vi hợp tác riêng.







SME / chuỗi / dịch vụ

POS / kế toán / quản lý kỳ thu
Bắt đầu: một cửa hàng hoặc kỳ thu
Quyết định: chủ DN / CFO
Đo: giờ đối soát, thao tác

Công ty phần mềm

ERP / CRM / POS / kế toán
Bắt đầu: nhúng luồng khoản thu
Quyết định: CEO / CTO
Đo: công sức, khách kích hoạt

SI / đối tác phân phối

Tư vấn và tích hợp theo ngành
Bắt đầu: quy trình khách hàng
Quyết định: giám đốc giải pháp
Đo: thời gian triển khai

Ảnh minh họa phân khúc; không phải khách hàng hoặc nhân sự được xác nhận.

Có thể mở rộng sang giáo dục, y tế, tòa nhà, logistics, hội viên và các khoản thu nội bộ phù hợp.

Mạng lưới ngân hàng được công bố trên Trusted Pay

Sáu thương hiệu đang hiển thị trong dải đối tác ngân hàng của website Trusted Pay.

OCB Ngân Hàng Phương Đông

Ngân hàng Phương Đông

ACB

Ngân hàng Á Châu

BIDV

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

MB

Ngân hàng Quân đội

VPBank

Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng

VietinBank

Ngân hàng Công Thương Việt Nam

Ngân hàng / VA Nhận dữ liệu giao dịch, khớp nghiệp vụ và đồng bộ kết quả theo phạm vi kết nối được xác nhận.

Phạm vi VA, onboarding, nhận giao dịch và truy vấn cho Billing được xác nhận theo ngân hàng và dự án.

Liên kết toàn trình, kiểm tra trước tự động hóa

Lợi thế nằm ở sự kết hợp hồ sơ số, khớp nghiệp vụ và kết quả liên hệ thống.

Khởi tạo dịch vụ online

KYB, chứng thư số và VA theo hành trình số. Kiểm chứng bằng hồ sơ, trạng thái và quyền đăng ký.

Khớp đúng trước xử lý

Kiểm tra VA, tiền, tham chiếu và chống trùng. Kiểm chứng bằng TRACE-001 và kịch bản ngoại lệ.

Đồng bộ có xác nhận

Khoản thu, công nợ, hóa đơn và hạch toán có nguồn xác nhận riêng. Kiểm chứng bằng kết quả đầu cuối.

Vận hành có trách nhiệm

Đầu mối hỗ trợ, nhật ký, quản lý thay đổi và SLA theo phạm vi. Kiểm chứng bằng bộ bàn giao.

So sánh theo quy trình và bằng chứng; chức năng của giải pháp khác tùy sản phẩm, phiên bản và phạm vi.

Khởi tạo doanh nghiệp và dịch vụ hoàn toàn online

Sáu chặng liên kết; doanh nghiệp chủ động theo dõi hồ sơ và việc cần thực hiện.

01 • KYB

Khai báo pháp nhân; đối chiếu hồ sơ và đại diện.

02 • Giao kết

Xác nhận phạm vi, vai trò và ký thỏa thuận.

03 • Chứng thư số

Hồ sơ online; CA xác minh, cấp và kích hoạt.

04 • Ngân hàng / VA

Chọn ngân hàng, tài khoản; đăng ký dịch vụ VA.

05 • Hóa đơn

Đăng ký sử dụng, cấu hình pháp nhân và tuyến.

06 • Kích hoạt

Tích hợp, UAT, nghiệm thu và hỗ trợ vận hành.

Hồ sơ được xử lý qua hành trình số; CA, ngân hàng và cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy trình.

Ba đăng ký online, kết quả và thẩm quyền rõ

Mobile-ID điều phối hành trình; doanh nghiệp chủ động cung cấp hồ sơ và theo dõi trạng thái.

KYB doanh nghiệp	DN: pháp nhân, đại diện, ủy quyền; gửi và bổ sung online.	Mobile-ID phối hợp nguồn xác minh theo quyền; kết quả: hồ sơ đủ căn cứ giao kết.
Chứng thư hóa đơn	DN: nộp yêu cầu, xác minh và xác nhận điều khoản online.	CA xét cấp/kích hoạt; kiểm tra chứng thư đã có hoặc cấp mới và thử ký theo cấu hình.
Ngân hàng / VA	Chủ tài khoản: chọn ngân hàng, gửi hồ sơ/ủy quyền và đăng ký online.	Ngân hàng kích hoạt; kết quả: dịch vụ gắn đúng tài khoản, pháp nhân và kiểm thử đạt.

Đăng ký VA trên tài khoản hiện hữu khác mở tài khoản mới; tái sử dụng hồ sơ theo quyền và cấu hình.

Theo dõi một hồ sơ, biết ngay việc tiếp theo

Giao diện tham chiếu • dữ liệu giả lập • trạng thái ví dụ, không phải hồ sơ thật.

DN-A / hồ sơ online

Người quản trị
Trần An • đại diện

Việc cần làm
Bổ sung ủy quyền VA

Hỗ trợ Mobile-ID
YC-001 • đang tiếp nhận

HẠNG MỤC	TRẠNG THÁI
Pháp nhân / KYB	Đã xác minh
Người đại diện	Hoàn tất
Thỏa thuận dịch vụ	Hoàn tất
Chứng thư số	Đang xử lý
Ngân hàng / VA	Cần bổ sung
Hóa đơn điện tử	Chờ bên ngoài
UAT / kích hoạt	Chưa bắt đầu

Trạng thái khác: cần xử lý • có lý do và người phụ trách

Người phụ trách, lý do bổ sung và yêu cầu hỗ trợ giúp giảm trao đổi rời rạc giữa các đầu mối.

Kiểm tra khớp trước khi vào luồng tự động

Ghi nhận giao dịch ngân hàng và chấp nhận xử lý tự động là hai bước riêng.

DỮ LIỆU ĐƯỢC KIỂM TRA

Đơn / khoản phải thu + kết quả ngân hàng đáng tin cậy

Pháp nhân / tài khoản • VA • tiền / loại tiền • tham chiếu • chống trùng

KIỂM TRA

KHỚP + ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Phân bổ • đồng bộ công nợ • xử lý hóa đơn theo quy tắc

CHỜ RÀ SOÁT

Ghi nhận • nêu lý do • hàng chờ • người phụ trách

Tiền đã ghi có vẫn được ghi nhận. Không tự phát hành theo luồng chưa đủ điều kiện.

Một tham chiếu nối các bước xử lý

Mỗi bước trả kết quả rõ ràng; tự động hóa có kiểm soát từ dữ liệu nguồn.

01 • Đơn / khoản thu

CRM/ERP tạo đơn, khoản phải thu và mã tham chiếu.

02 • Kênh thanh toán

Gắn VA/QR theo ngân hàng và đối tượng.

03 • Kiểm tra khớp

Xác minh nguồn, số tiền, tham chiếu và giao dịch mới.

04 • Công nợ

Phân bổ; hệ thống nguồn xác nhận cập nhật.

05 • Hóa đơn

Kiểm tra điều kiện, lập, ký và theo dõi phản hồi.

06 • Đồng bộ

Trả kết quả, báo cáo và truy vết toàn trình.

Luồng thu tiền không thay thế quy tắc thời điểm lập hóa đơn theo nghiệp vụ và pháp luật.

Từ DH-26001 đến hóa đơn có thể truy vết

Dữ liệu giả lập • không phải giao dịch thực tế hoặc bằng chứng hiệu năng.

01 / Hồ sơ nguồn

Pháp nhân DN-A • khách KH-001
Đơn DH-26001 • phải thu AR-26001
VA-001 • 1.000.000 VND

02 / Ngân hàng xác nhận

Giao dịch GD-001 • ghi có
VA-001 • 1.000.000 VND
Đúng tài khoản DN-A; chưa xử lý

03 / Kết quả liên kết

TRACE-001 xuyên suốt
ERP xác nhận AR-26001 đã đủ
HĐ-001: đã có kết quả phát hành

TRACE-001 DH-26001 / AR-26001 / GD-001 / HĐ-001

HĐ-001 được xử lý khi đã đủ điều kiện; khóa chống trùng giúp tránh ghi nhận hoặc phát hành lặp.

Giữ giao dịch rõ ràng cả khi chưa thể tự động

Cùng hồ sơ DN-A, KH-001, VA-001, DH-26001/AR-26001; phải thu 1.000.000 VND.

Trường hợp	Xử lý	Điều kiện tiếp tục
Hai đơn cùng số tiền	Dùng tham chiếu duy nhất; chưa đủ thì chờ	Gắn đúng AR-26001, không đoán đơn
Thiếu/sai tham chiếu	Giữ khoản thu và lý do ngoại lệ	Căn cứ phân bổ đã xác nhận
600.000 + 400.000 VND	Phân bổ từng lần; theo dõi còn thiếu	Đủ tiền, ERP xác nhận
Dư 100.000 VND	Phân bổ theo chính sách; treo phần dư	Thẩm quyền xử lý tiền dư
GD-001 bị thông báo lặp	Kiểm khóa; trả kết quả gốc	Không phân bổ/phát hành lần hai
ERP / hóa đơn chưa rõ	Tra cứu trước khi gửi lại	Có kết quả nghiệp vụ tương ứng
Hoàn / đổi phân bổ	Phê duyệt, liên kết giao dịch gốc và lưu vết	Xác nhận kết quả; xử lý chứng từ phù hợp

Các nhánh là kịch bản độc lập; thanh toán nhiều lần không tạo quy tắc chờ đủ tiền để lập hóa đơn cho mọi nghiệp vụ.

Bốn trạng thái, bốn xác nhận độc lập

Liên kết bằng tham chiếu; không suy diễn bước sau chỉ từ thành công của bước trước.

Miền trạng thái	Nguồn xác nhận	Ví dụ	Điều kiện hoàn tất
Thanh toán	Ngân hàng / kênh thanh toán	Chờ, thành công, chưa rõ, hoàn	Kết quả đáng tin cậy; chống trùng
Công nợ	Hệ thống quản lý công nợ	Chưa phân bổ, một phần, đủ	ERP xác nhận cập nhật nếu ERP là nguồn
Hóa đơn	Hệ thống phát hành / truyền nhận	Chờ ký, chờ kết quả, lỗi, hoàn tất	Nhận kết quả tương ứng loại hóa đơn
Hạch toán	Phần mềm kế toán / ERP	Chờ ghi sổ, đã ghi sổ, điều chỉnh	Chính sách và phê duyệt của doanh nghiệp

Thanh toán thành công không tự chứng minh công nợ, hóa đơn và hạch toán đã hoàn tất.

Khớp giao dịch và đúng nghĩa vụ hóa đơn

Quy tắc xử lý phải phù hợp loại giao dịch và thời điểm pháp luật áp dụng.

Khớp khoản thu và đúng thời điểm lập hóa đơn

Hai điều kiện được quản lý đồng thời theo từng loại giao dịch.

Thanh toán gắn đơn

Kiểm tra khớp khoản thu; xử lý hóa đơn khi luồng đã đủ điều kiện.

Bán chịu / trả sau

Theo dõi công nợ riêng. Không chờ đủ tiền nếu đã đến thời điểm phải lập.

Đặt cọc / ứng trước

Phân loại bản chất hợp đồng và sự kiện; không dùng một quy tắc chung.

Nạp tiền / tiêu dùng

Phân biệt cấp nguồn với mua hàng thực tế; tránh ghi nhận hai lần.

Cấu hình quy tắc, cảnh báo và kiểm soát hạn; không để luồng thanh toán làm chậm nghĩa vụ lập hóa đơn.

Tiền đã về, đã phân bổ và còn phải thu

Dashboard tham chiếu • dữ liệu giả lập DN-A • nguồn ngân hàng và ERP được hiển thị riêng.

Phải thu	Thực nhận	Đã phân bổ	Chưa phân bổ	Còn phải thu
2.000.000 đ	1.850.000 đ	1.600.000 đ	250.000 đ	400.000 đ

Tham chiếu / khoản thu	Tiền và công nợ	Hóa đơn / phụ trách
DH-26001 / GD-001	1.000.000 đ • ERP xác nhận đủ	HĐ-001 hoàn tất • kế toán
DH-26002 / GD-002	600.000 đ • còn 400.000 đ	Theo nghiệp vụ • công nợ
GD-003 / chưa xác định	250.000 đ • chờ phân bổ	Chưa xử lý • kế toán thu

Ngoại lệ GD-003: thiếu tham chiếu • tuổi tồn 01 ngày • người phụ trách KT-THU. DH-26002: quá hạn theo hạn thu giả lập; chưa suy ra trạng thái hạch toán.

Bộ lọc: pháp nhân / ngân hàng / khách / điểm bán • hiển thị thời điểm dữ liệu ngân hàng và ERP

Thời điểm nhận dữ liệu được hiển thị; tiền vào, doanh thu kế toán và trạng thái hóa đơn được phân biệt.

Tăng năng lực xử lý, giảm thao tác lặp

Phân bổ nhân sự vào kiểm soát và ngoại lệ khi giao dịch tăng; đo trên phạm vi thực tế.

Bộ phận	Công việc được giảm	Trọng tâm mới
Kế toán khoản thu	Dò tiền, nhập lại, gắn đơn	Tính đầy đủ; ngoại lệ
Kế toán công nợ	Cập nhật từng khoản	Tuổi nợ; chênh lệch; thu hồi
Kế toán hóa đơn	Nhập lại; hỏi trạng thái	Điều kiện nghiệp vụ; sai sót
Vận hành / CSKH	Hỏi xác nhận nhiều nơi	Tra cứu; phục vụ khách
CNTT	Theo dõi lỗi rời rạc	Kết nối; cảnh báo; thay đổi
HR / hành chính	Tổng hợp khoản thu nội bộ	Đối tượng, phí dịch vụ và đối chiếu

Tăng năng lực xử lý giao dịch mà không phải tăng nguồn lực BackOffice tương ứng; kiểm chứng bằng số liệu trước/sau.

Dữ liệu có nguồn, giao dịch có bằng chứng

Từ danh tính và thẩm quyền đến khoản thu, công nợ và chứng từ liên kết được.

01

Doanh nghiệp / quyền

KYB, đại diện, ủy quyền và phiên.

02

Tài khoản / giao dịch

Tài khoản đúng chủ thể; nguồn ngân hàng.

03

Khoản thu / chứng từ

Đối soát, xác nhận công nợ và hóa đơn.

TRUY VẾT ĐƯỢC Tuổi nợ; kế hoạch thu; CRM; báo cáo; kiểm toán.

Các hướng mở rộng cần phạm vi dữ liệu, cấu hình và nghiệm thu riêng; không thay thế thẩm định tín dụng.

Tận dụng các lớp kết nối và tin cậy

Ghép đúng dịch vụ vào đúng hành trình, theo phạm vi dữ liệu và quyền triển khai.

TRUSTED BILLING — Liên kết dữ liệu • điều phối quy tắc • theo dõi trạng thái

KYC / RAR / C06

Xác minh cá nhân qua kênh được phép.

KYB / dữ liệu doanh nghiệp

Chuẩn hóa hồ sơ pháp nhân, người đại diện.

GoPaperless SSO

Đăng nhập và liên kết danh tính.

Giao kết / ký số

Ký hợp đồng, chứng từ theo nghiệp vụ.

Ngân hàng / VA

Thông tin khoản thu, tham chiếu giao dịch.

Hóa đơn / cơ quan thuế

Lập, ký và truyền nhận theo tuyến kết nối.

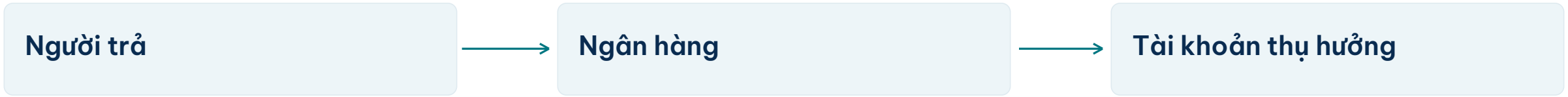
KYC/KYB và ký số được ghép theo mục đích, nguồn dữ liệu và quyền sử dụng của từng hành trình.

Giữ hệ thống nguồn, liên kết dữ liệu và kết quả

Trusted Billing liên kết trạng thái và điều phối xử lý trong phạm vi thống nhất.



LUỒNG TIỀN



Trusted Billing nhận dữ liệu để khớp và điều phối. Bên xác nhận: ngân hàng về tiền; ERP về công nợ; hệ thống hóa đơn về kết quả phát hành.

> Tiền đi theo mô hình ngân hàng đã thống nhất; kết nối API không phải luồng tiền.

Ba nền tảng, vai trò bổ sung rõ ràng

Khách hàng lựa chọn từng lớp theo bài toán và mức độ sẵn sàng.

Trusted Billing

Điều phối khoản thu, công nợ, hóa đơn và truy vết. Có thể tích hợp với kênh thanh toán khách hàng đang sử dụng.

Trusted Pay

QR, thông báo thanh toán, quản lý điểm bán và loyalty theo cấu hình. Bổ sung ngữ cảnh giao dịch tại cửa hàng.

Trusted PalmPay

Định danh lòng bàn tay, giá trị trả trước trong mô hình chuỗi và loyalty. Mở rộng trải nghiệm sử dụng lặp lại.

Có thể bắt đầu với Billing độc lập. Tách nạp tiền, số dư, tiêu dùng, hoàn trả, loyalty và hóa đơn.

Tích hợp nhúng, quản lý riêng từng pháp nhân

Dùng giao diện quen thuộc; tái sử dụng kết nối cho nhiều khách hàng theo phạm vi.

Đối tác phần mềm

Nhúng luồng khoản thu và trạng thái vào giao diện quen thuộc; tái sử dụng kết nối theo khách hàng.

Tập đoàn / chi nhánh

Tài khoản, chứng thư, hóa đơn riêng theo pháp nhân; báo cáo hợp nhất theo quyền; ERP xác nhận công nợ.

Sàn / merchant

Liên kết đơn con, phí và hoàn trả; xác định người bán, người thụ hưởng và chủ thể hóa đơn.

Chuỗi / dịch vụ định kỳ

Bắt đầu từ cửa hàng hoặc kỳ thu; bổ sung Pay/PalmPay và loyalty theo nhu cầu.

Thu hộ, chia/chi tiền và đồng thương hiệu được xác lập riêng; VA không tự thực hiện chia tiền.

Bộ bàn giao để phát triển và vận hành được

Các thành phần, phiên bản và quyền truy cập được chốt trong phạm vi dự án.

Hợp đồng dữ liệu

Mapping, API, mã lỗi, trạng thái, pháp nhân và nguồn công nợ; thống nhất đầu mối nghiệp vụ.

Thử nghiệm có kiểm soát

Môi trường, quyền kết nối, dữ liệu mẫu; kịch bản chuẩn, thiếu/thừa, trùng và chưa rõ kết quả.

Gửi lại an toàn

Khóa chống trùng; truy vấn trước khi gửi lại; lịch sử xử lý và mã truy vết xuyên hệ thống.

Bàn giao vận hành

Tài liệu, runbook, phiên bản API, quản lý khóa/bí mật, giám sát và quy trình chuyển cấp.

Đây là bộ đầu ra triển khai cần thống nhất; endpoint và thông số cụ thể theo tài liệu tích hợp được cấp.

Cơ sở lựa chọn nhà cung cấp giải pháp hóa đơn

Mobile-ID công bố việc được Cục Thuế công khai thông tin trong Thông báo 664/TB-CT.

Tư cách cung cấp giải pháp

Hóa đơn điện tử
Thông báo 664/TB-CT

CHỦ THỂ

Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Mobile-ID

MÃ SỐ THUẾ

0313994173

TRANG DỊCH VỤ

https://trustedbilling.mobile-id.vn/

PHẠM VI CÔNG BỐ

Đáp ứng tiêu chí cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử theo công bố Mobile-ID.

Xem công bố và nguồn dẫn chiếu

Công bố của Mobile-ID; không diễn giải là giấy phép độc lập.

Công bố về tổ chức cung cấp giải pháp; tuyến nhận/truyền dữ liệu và quyền kết nối được xác lập theo dịch vụ.

Gắn quy định với kiểm soát thực thi

Xác định đúng nghĩa vụ của doanh nghiệp, ngân hàng và Mobile-ID trong từng mô hình.

Hóa đơn / chứng từ	NĐ 254/2026 • TT 91/2026 Kiểm tra thời điểm, nội dung, đăng ký, xử lý sai sót và truyền nhận.	L1 • L2
Open API ngân hàng	TT 64/2024/TT-NHNN Phối hợp yêu cầu API, dữ liệu và kết nối với ngân hàng.	L3
An toàn dịch vụ trực tuyến	TT 50/2024 và TT 77/2025 Mapping kiểm soát theo chủ thể, dịch vụ và kiến trúc.	L4 • L5

Theo dõi, đánh giá tác động, nâng cấp, kiểm thử, thông báo và triển khai theo phạm vi dịch vụ đã thỏa thuận.

Thiết kế để kiểm soát và duy trì dịch vụ

Cloud hoặc on-premises theo công bố sản phẩm; mô hình và kiểm soát được nghiệm thu theo dự án.

Kết nối và truy cập

Phân quyền, bảo vệ bí mật tích hợp, đặc quyền và nhật ký; tách dữ liệu theo tổ chức/pháp nhân.

Giám sát và liên tục

Cảnh báo, hàng chờ, sao lưu, khôi phục, thay đổi và diễn tập theo phương án được thống nhất.

Quyền và vòng đời dữ liệu

Mục đích, vai trò xử lý, lưu giữ, xuất/bàn giao; phối hợp sự cố, xóa và kết thúc dịch vụ.

Hồ sơ làm căn cứ

Kiến trúc sở hữu/thuê/quản lý; vị trí dữ liệu; kiểm thử; chính sách áp dụng và phụ lục hợp đồng.

Hồ sơ ISMS và chứng nhận công nghệ hỗ trợ thẩm định; phạm vi và trạng thái từng hồ sơ được dẫn ở phụ lục.

Đội ngũ Mobile-ID đồng hành toàn trình

Mô hình phối hợp triển khai: một đầu mối điều phối, các nhóm chuyên môn và cơ chế chuyển cấp.

01 Tiếp nhận
Kênh hỗ trợ / đầu mối

→

02 Phân loại
Nghiệp vụ / kỹ thuật

→

03 Xử lý / chuyển cấp
Đầu mối chuyên môn

Điều phối dự án

Quản lý khách hàng / dự án: phạm vi, tiến độ, đầu mối và vướng mắc.

Giải pháp và tích hợp

Kỹ sư cùng chuyên môn ngân hàng / hóa đơn: mapping, cấu hình và UAT.

Hỗ trợ vận hành

Tiếp nhận, phân loại, giao xử lý; theo dõi và chuyển cấp đúng đầu mối.

SLA rõ ba thời điểm

Phản hồi • khôi phục • xử lý hoàn tất. Chốt giờ phục vụ, mức sự cố và báo cáo.

info@mobile-id.vn • +84 28 3622 2982 • đầu mối, giờ phục vụ và lịch trực theo thỏa thuận áp dụng.

SLA gắn với phạm vi và cách đo dịch vụ

Khung xác lập SLA trước go-live; thông số định lượng áp dụng theo phụ lục hợp đồng.

01 / Phản hồi

Tiếp nhận, phân loại, xác nhận người phụ trách; quy định giờ phục vụ và chu kỳ cập nhật.

02 / Khôi phục

Ưu tiên theo ảnh hưởng; phương án giảm gián đoạn và mục tiêu phục hồi được thống nhất.

03 / Hoàn tất

Đối chiếu dữ liệu, xử lý tồn, xác định nguyên nhân và báo cáo biện pháp phòng ngừa.

Đo chất lượng và công bố

Sẵn sàng, bảo trì và loại trừ có cách đo. Chính sách công khai và SLA hợp đồng được phân biệt.

Tách thời gian xử lý nội bộ với thời gian chờ ngân hàng, CA và tuyến thuế; ghi nhận cả hai để theo dõi.

Từ khảo sát đến go-live trong khoảng 04 tuần

Lộ trình dự kiến cho phạm vi chuẩn; bắt đầu khi phạm vi, dữ liệu và quyền kết nối đã sẵn sàng.

TUẦN 01 → TUẦN 02 → TUẦN 03 → TUẦN 04

Khảo sát / thiết kế

Mobile-ID: giải pháp, mapping.
Khách hàng: quy trình, dữ liệu, đầu mối.
Đầu ra: thiết kế và tiêu chí được duyệt.

Cấu hình / tích hợp

Mobile-ID: cấu hình, phối hợp API.
Đối tác: phát triển kết nối nguồn.
Đầu ra: kiểm thử kết nối đạt.

UAT / đào tạo

Hai bên: chuẩn và ngoại lệ đầu cuối.
Nghiệp vụ: đối chiếu, xác nhận kết quả.
Đầu ra: UAT và danh sách tồn.

Go-live / bàn giao

Hai bên: duyệt sẵn sàng, kích hoạt.
Vận hành: giám sát, hỗ trợ.
Đầu ra: nghiệm thu, runbook.

Điều kiện khởi động: API, dữ liệu, hồ sơ, quyền và đầu mối sẵn sàng; phạm vi chuẩn và tiêu chí đã thống nhất.

> Hồ sơ CA, ngân hàng và thuế chạy song song; thời gian phê duyệt bên ngoài có thể ảnh hưởng lịch triển khai.

Chỉ kích hoạt khi luồng chuẩn và ngoại lệ đạt

Nghiệm thu cùng chủ sở hữu nghiệp vụ, CNTT và đầu mối Mobile-ID.

01

Nghiệp vụ

Đúng pháp nhân/tài khoản; khớp tiền và phân bổ; ERP xác nhận; hóa đơn đúng điều kiện và thời điểm.

02

Kiểm soát

Không xử lý trùng; truy vấn khi chưa rõ; ngoại lệ có chủ; nhật ký và kiểm tra đầy đủ dữ liệu.

03

Vận hành

Tải theo phạm vi; quyền và bí mật; hỗ trợ/SLA; phương án phục hồi và hướng dẫn sử dụng.

QUYẾT ĐỊNH GO-LIVE

Chủ sở hữu nghiệp vụ + CNTT + Mobile-ID
Đạt tiêu chí / xử lý tồn / phê duyệt kích hoạt
Theo dõi ban đầu và quay lui theo phương án

Phê duyệt go-live có người chịu trách nhiệm, điều kiện đạt/chưa đạt và phương án quay lui trước kích hoạt.

Giá trị chung, trách nhiệm và chỉ tiêu riêng

Doanh nghiệp vận hành tốt hơn; đối tác có thêm dịch vụ; người mua nhận trạng thái rõ.

CEO / COO
Năng lực xử lý và mở rộng
Đo: Thời gian kích hoạt đơn vị

CFO / kế toán trưởng
Kiểm soát khoản thu và tồn
Đo: Giờ đối soát, tuổi ngoại lệ

Kế toán viên / CSKH
Giảm nhập lại, tra cứu nhanh
Đo: Phút/giao dịch, yêu cầu hỗ trợ

CTO / CIO / SI
Chuẩn hóa kết nối và truy vết
Đo: Công sức tích hợp, độ trễ

Phần mềm / ngân hàng
Mở rộng dịch vụ doanh nghiệp
Đo: Khách hoạt động, chất lượng kết nối

Merchant / người mua
Giao dịch, chứng từ liên kết
Đo: Thời gian trả kết quả

HR / hành chính
Phối hợp khoản thu nội bộ
Đo: Thời gian tổng hợp, chênh lệch

Đối tác hóa đơn / Mobile-ID
Dữ liệu rõ, vận hành có căn cứ
Đo: Lỗi xử lý, chất lượng phục vụ

Chỉ tiêu được đặt từ dữ liệu nền và đo trong thí điểm; không suy diễn thành kết quả tiết kiệm đã đạt.

Khác biệt bằng chất lượng quy trình tích hợp

Khai thác cơ hội và chuẩn bị điều kiện để triển khai có kết quả.

S / Điểm mạnh

Khớp trước xử lý, liên kết toàn trình và hệ sinh thái. Hành động: demo luồng chuẩn và bằng chứng truy vết.

W / Điểm yếu

Dữ liệu và hệ thống nguồn ảnh hưởng tự động hóa. Hành động: chuẩn hóa mapping, quy tắc và điều kiện đầu vào.

O / Cơ hội

Tích hợp nhúng, khoản thu doanh nghiệp, đa kênh. Hành động: chọn đối tác có tệp khách hàng và tình huống lặp lại.

T / Thách thức

Cạnh tranh, chuẩn/API thay đổi, gián đoạn. Hành động: quản lý phiên bản, ngoại lệ, SLA và chi phí.

Lợi thế được chứng minh bằng mức tự động hóa, độ rõ dữ liệu và công sức vận hành được giảm.

Bắt đầu bằng một phạm vi có thể nghiệm thu

Một hệ thống nguồn, một pháp nhân và kết nối phù hợp để kiểm chứng trước khi mở rộng.

01

Chuẩn bị

Dữ liệu mẫu, quyền kết nối, nguồn công nợ; đầu mối CNTT và kế toán.

02

Thống nhất

Phạm vi 04 tuần, chi phí, KPI nền, SLA và điều kiện triển khai.

03

Kiểm chứng

UAT đầu cuối, kết quả tiền–công nợ–hóa đơn; nghiệm thu và kế hoạch mở rộng.

Mobile-ID Technologies And Services Joint Stock Company

www.mobile-id.vn
info@mobile-id.vn
+84 28 3622 2982

info@mobile-id.vn • +84 28 3622 2982 • https://www.mobile-id.vn

Đầu vào, đầu ra và điều kiện chuyển bước

Bảng trách nhiệm tham chiếu để chốt với doanh nghiệp, CA, ngân hàng và đội tích hợp.

Chặng / người thực hiện	Đầu vào và thao tác online	Xử lý / kết quả / điều kiện
KYB / DN và đại diện	Pháp nhân, hồ sơ, căn cứ quyền; gửi/xác minh	Mobile-ID + nguồn; đủ hồ sơ/quyền
Giao kết / người có quyền	Phạm vi, vai trò, điều khoản; ký/xác nhận	Hai bên; thỏa thuận có hiệu lực
Chứng thư / đại diện + CA	Hồ sơ và yêu cầu; nộp/xác minh	CA quyết định; hiệu lực và thử ký
VA / chủ tài khoản + NH	Tài khoản, quyền; đăng ký/ủy quyền	Ngân hàng; dịch vụ và UAT
Hóa đơn / DN + đơn vị dịch vụ	Đăng ký, chứng thư, pháp nhân; gửi/cấu hình	Bên có thẩm quyền; đủ điều kiện
Tích hợp / hai đội	Mapping, API, dữ liệu; UAT/nghiệm thu	Hai bên; đủ kiểm thử, hỗ trợ và SLA

Các bước liên thông được theo dõi trạng thái; mở tài khoản mới và cấp chứng thư không mặc định tự phê duyệt.

Đối chiếu phạm vi trước khi kích hoạt

Phạm vi chức năng áp dụng được chốt theo ngân hàng, hồ sơ doanh nghiệp và phương án tích hợp.

Ngân hàng	Căn cứ công bố	Phạm vi cần xác nhận
OCB	Logo đối tác trên Trusted Pay	VA / online / giao dịch / truy vấn / trạng thái
ACB	Logo đối tác trên Trusted Pay	VA / online / giao dịch / truy vấn / trạng thái
BIDV	Logo đối tác trên Trusted Pay	VA / online / giao dịch / truy vấn / trạng thái
MB	Logo đối tác trên Trusted Pay	VA / online / giao dịch / truy vấn / trạng thái
VPBank	Logo đối tác trên Trusted Pay	VA / online / giao dịch / truy vấn / trạng thái
VietinBank	Logo đối tác trên Trusted Pay	VA / online / giao dịch / truy vấn / trạng thái

Phạm vi vận hành được xác lập bằng xác nhận ngân hàng và nghiệm thu dịch vụ.

> Xác nhận theo ngân hàng: loại khách/tài khoản, hồ sơ, VA, thông báo, truy vấn, môi trường và trạng thái vận hành.

Bộ tài liệu dùng để thẩm định và giao kết

Tài liệu Trusted Pay được giữ đúng phạm vi; SLA Trusted Billing được xác lập riêng.

Tài liệu / nguồn	Phạm vi đã công bố	Áp dụng trong dự án
Điều khoản cung cấp / D1	Trusted Pay; CS89/CS89+ và dịch vụ liên quan	Đối chiếu nếu có thiết bị; không thay SLA Billing
Bảo mật V02 / D2	Dữ liệu cá nhân Trusted Pay; hiệu lực 01/01/2026	Dẫn chiếu đúng dịch vụ và vai trò dữ liệu
Hợp đồng / phụ lục Billing	Phạm vi, nghĩa vụ và quyền các bên	Thống nhất trước go-live
SLA / runbook Billing	Chỉ tiêu, cách đo, hỗ trợ và chuyển cấp	Phê duyệt, bàn giao và theo dõi
Hồ sơ dữ liệu / kết thúc	Lưu giữ, xuất, bàn giao, xóa và sự cố	Xác định trách nhiệm theo mô hình

Các tài liệu công khai có liên kết trực tiếp; điều khoản dự án có hiệu lực theo thỏa thuận của các bên.

Hồ sơ công nghệ và phạm vi sử dụng

Hồ sơ gắn với đúng chủ thể/sản phẩm; công bố doanh nghiệp khác xác minh độc lập.

ISO/IEC 27001:2022	Mobile-ID ISMS • SIS Certifications SIS351224I008 • hồ sơ ghi 05/12/2024–04/12/2027	Quản trị ATTT trong phạm vi chứng nhận; trạng thái giám sát cần đối chiếu.
FIPS 140-3 / CMVP #5331	Trusted Key Token Cryptographic Module NIST CMVP • theo bản ghi chứng nhận	Kinh nghiệm mô-đun mật mã; không phải chứng nhận toàn bộ Billing.
OpenID Certified	Mobile-ID SSO v1.0 • OpenID Foundation OP theo công bố Mobile-ID ngày 26/02/2026	Khả năng tương tác danh tính; đối chiếu hồ sơ phiên bản.
FIDO2	Trusted Hub Server; Android/iOS SDK FIDO Alliance theo công bố Mobile-ID	Xác thực mạnh theo sản phẩm; đối chiếu số hồ sơ và trạng thái.

Đối chiếu đúng chủ thể, sản phẩm, phiên bản và phạm vi hồ sơ khi thẩm định dịch vụ; chứng nhận không thay SLA.

Từ căn cứ đến trách nhiệm và bằng chứng

Ma trận triển khai tham chiếu; điều khoản chi tiết và phiên bản được chốt theo mô hình.

Căn cứ / phạm vi	Chủ thể và kiểm soát	Bằng chứng / phiên bản
NĐ 254/2026; TT 91/2026	DN: nghiệp vụ hóa đơn; Mobile-ID: cấu hình hỗ trợ	Quy tắc, phản hồi, UAT; theo dịch vụ
TT 64/2024/TT-NHNN	Ngân hàng: Open API; bên tích hợp: yêu cầu kết nối	Quyền, mapping, UAT theo API ngân hàng
TT 50/2024; TT 77/2025	Ngân hàng và bên liên quan theo phạm vi dịch vụ	Mapping an toàn, kiểm thử và nhật ký
Dữ liệu / giao dịch / chữ ký	Các bên theo vai trò; quyền, hiệu lực và lưu giữ	Hồ sơ pháp lý và hợp đồng dữ liệu
Chuẩn truyền nhận / 1233	Đơn vị hóa đơn và tuyến kết nối áp dụng	Bộ chuẩn gốc, phiên bản, kiểm thử tương thích

Theo dõi / đánh giá / nâng cấp / kiểm thử / thông báo / triển khai; phạm vi cập nhật theo thỏa thuận.

Đo hiệu quả trước khi mở rộng đầu tư

Đo cùng phạm vi, sản lượng và kỳ; người phụ trách nghiệp vụ xác nhận số liệu.

01

KPI có mẫu số rõ

Tỷ lệ tự động = giao dịch đủ điều kiện được xử lý tự động / tổng giao dịch đủ điều kiện. Báo cáo riêng tỷ lệ đủ điều kiện trên toàn bộ khoản thu.

02

Công sức và tổng chi phí

Giờ tiết kiệm = tổng phút xử lý trước trừ sau / 60. Tính cả ngoại lệ, duy trì, nền tảng, sản lượng và dịch vụ ngân hàng/CA/hóa đơn.

03

Hợp tác theo quyền

Dùng nội bộ; giới thiệu; bán lại; tích hợp nhúng; đồng thương hiệu. Giá, quyền OEM và chia sẻ doanh thu theo hợp đồng.

Nguồn đo: nhật ký, hàng chờ, ERP và ghi nhận công việc; không biến dữ liệu giả lập thành kết quả triển khai.

Nguồn tham chiếu và liên kết tra cứu

Liên kết đầy đủ, trạng thái và bằng chứng nằm trong gói bàn giao.

S1 / S2	Trusted Billing và công bố hóa đơn	Mở nguồn
S3 / S4 / S5	Mobile-ID, CheckID và GoPaperless	Mở nguồn
S8 / S9	Trusted Pay và Trusted PalmPay	Mở nguồn
S10 / S11	NIST CMVP và hồ sơ ISO	Mở nguồn
L1 / L2	NĐ 254/2026 và TT 91/2026	Mở nguồn
L3 / L4 / L5	Open API và an toàn ngân hàng	Mở nguồn
D1 / D2	Điều khoản và bảo mật Trusted Pay	Mở nguồn

Chạm số trang ở mục lục để đi đến nội dung; chạm logo đầu trang để về tóm tắt điều hành.

> Nguồn công bố không thay tài liệu API, xác nhận ngân hàng, hợp đồng hoặc kiểm thử sản phẩm thực tế.